TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:03/2019/QĐST- DS	*Điện Bàn, ngày 03 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN,TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Minh Tân

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 16/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 130/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn BC, xã HC, huyện HV, Tp ĐN (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị L – Sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn TC1, xã ĐP, ĐB, QN (có mặt)

Ông Trần K – Sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn QĐ 2, xã ĐC, ĐL, QN(vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 10/09/2017, bà Lê Thị L và ông Trần K có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Khi vay 2 bên có ký hợp đồng vay tiền được chứng thực tại Văn phòng công chứng Duy Xuyên. Theo nội dung hợp đồng vay tiền, số tiền vay là 1.000.000.000đ, thời hạn cho vay là 05 (năm) tháng kể từ ngày 10/09/2017 đến hết ngày 10/02/2018, mục đích vay để đầu tư trang trại bò sữa.

Tiếp tục, đến ngày 26/01/2018, bà Lê Thị L và ông Trần K có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) và có viết giấy và hẹn 1 tháng sau sẽ trả số tiền trên cho bà Thương.

Khi vay, hai bên có thỏa thuận miệng ngoài hợp đồng với lãi suất là 1.0%/1 tháng. Nay đã đến hạn trả nợ, nhưng bà L và ông K vẫn chưa trả số tiền trên cho bà T.

Vào ngày 10/12/2018, giữa bà Nguyễn Thị T và bà Lê Thị L, ông Trần K thống nhất hòa giải thành với nội dung: Bà Lê Thị L, ông Trần Khuê đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.336.200.000đ (một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu đồng) (trong đó: tiền gốc: 1.000.000.000đ và lãi 140.000.000đ; tiền gốc 180.000.000đ và lãi 16.200.000đ) và yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

Người liên quan bà Lê Thị L, ông Trần K thống nhất nội dung bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành với nội dung: Bà Lê Thị L, ông Trần K đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tổng cộng là 1.336.200.000đ (một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu đồng) và yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nhận định:

[1] Tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Vào ngày 10/12/2018, tại Trung Tâm Hòa giải – Đối thoại, bà Nguyễn Thị T và bà Lê Thị L, ông Trần K đã lập biên bản hòa giải thành với nội dung: Bà Lê Thị L, ông Trần K đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.336.200.000đ (một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu đồng) và bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

Tại phiên họp, bà Nguyễn Thị T và bà Lê Thị L, ông Trần K yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành trên.

Xét thấy các bên tham gia thỏa thuận có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hòa giải của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức của xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc người thứ ba. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án.

[2] Người yêu cầu phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự: Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán giải quyết việc dân sự đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS, việc chấp hành pháp luật của người tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự đảm bảo kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán giải quyết việc dân sự ra quyết định. VKS đề nghị Thẩm phán giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 361, khoản 3 Điều 367, Điều 416,

417, 419 của BLTTDS; Điều 463, 466, 468 của BLDS; chấp nhận yêu cầu của ông bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án với nội dung: Bà Lê Thị L, ông Trần K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.336.200.000đ (một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu đồng).

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 27, 35, 39, 361, khoản 3 Điều 367, Điều 416, 417, 419 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án với nội dung: Bà Lê Thị L và ông Trần K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.336.200.000đ (một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001621 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Quyết định công nhận hòa giải thành ngoài Tòa án có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS ND TX Điện Bàn;
- Người yêu cầu;
- Người liên quan;
- CQ THA DS TX Điện Bàn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Minh Tân

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu

cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm ….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại…… là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họtên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

"THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"